

Bản án số:20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2018

V/v: Chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Long

2. Ông Phạm Văn Quang

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Tạ Thị Bích Ngọc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Ông Lê Huy Lệ - Kiểm sát viên

Trong ngày 18/9/2018 tại trụ sở TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 73/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2018 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1987 - Có mặt

Bị đơn: Anh Ngô Tuấn A, sinh năm 1984 - Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Tuấn T, sinh năm 1958 - Có mặt

2. Cụ Dương Thị G, sinh năm 1929

3. Bà Đào Thị D, sinh năm 1958

4. Anh Ngô Tuấn T, sinh năm 1983

5. Chị Ngô Thị N, sinh năm 1987

6. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1956

7. Ông Ngô Tuấn C, sinh năm 1960

8. Ngô Tuấn C, sinh năm 1967

Đều trú tại: Thôn L, xã D, Yên Phong, Bắc Ninh.

9. Nguyễn Thị X, sinh năm 1990

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Phong, Bắc Ninh.

10. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960

11. Nguyễn Văn T, sinh năm 1994

Cùng trú tại: Thôn P, thị trấn C, Yên Phong, Bắc Ninh.

12. Nguyễn Thị T, sinh năm 1992

Trú tại: Thôn M, xã V, Yên Phong, Bắc Ninh.

13. Dương Thị L, sinh năm 1996

14. Dương Văn H, sinh năm 1999.

Đều trú tại: Thôn X, xã C, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang.

(Cụ G, bà D, anh T, chị N, bà Đ, ông C, ông C, chị X, ông T, chị T, anh T, chị L, anh H ủy quyền cho ông T)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - Chị T trình bày: Chị và anh A kết hôn vào năm 2006, đến tháng 02/2018, anh A và chị ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2018 của TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đã giải quyết về quan hệ hôn nhân, về con chung, nhưng chưa giải quyết về quan hệ tài sản chung của vợ chồng. Nay chị khởi kiện yêu cầu anh An phải trả chị 1/2 định suất ruộng mà chị được chia, hiện nay anh A là chủ hộ đang quản lý sử dụng tại thôn L, xã D, Yên Phong, Bắc Ninh. Ngoài ra chị T còn yêu cầu anh A phải trích trả chị 1/2 giá trị công trình phụ gồm bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm và các vật dụng gia đình khác như: Tivi, tủ lạnh,... Tại phiên hòa giải ngày 17/8/2018, chị T đã rút yêu cầu chia công trình phụ và các vật dụng gia đình, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài yêu cầu trên chị T không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn - Anh A trình bày: Theo anh được biết vào năm 1992, Hợp tác xã nông nghiệp thôn L (HTX L) tiến hành giao đất nông nghiệp cho các cá nhân hộ gia đình trong thôn canh tác. Khi đó, bố anh làm chủ hộ, anh là thành viên. Hộ gia đình anh được chia khoảng 17 xú đồng, đến nay anh không nhớ từng xú đồng, mỗi định suất được chia 756m², anh được chia 1/2 định suất. Năm 2006 anh kết hôn với chị T. Năm 2009, thực hiện chính sách dồn điền, đổi thửa. Hộ gia đình anh đã thỏa thuận và báo HTX cho tách riêng anh và chị T làm một hộ mới. Chị T chuyển 1/2 định suất ruộng của chị T về hộ gia đình đứng tên anh. Ngoài diện tích anh, chị T được phân chia thì ông T còn cho anh và chị T canh tác thêm diện tích của ông T. Sau khi dồn điền đổi thửa và tách hộ thì anh và chị T canh tác các xú đồng sau: Đồng Quan; Đồng Nội Nhé; Đồng Sùng Nhé; Đồng Giữa B và Đồng 2 lúa 1 màu (Ái).

Kể từ khi phân chia và tách hộ cho đến nay, các thành viên trong hộ ông T không tranh chấp gì và thống nhất canh tác các thửa ruộng như đã thỏa thuận phân chia.

Nay chị T yêu cầu anh phải trích trả 1/2 định suất đất ruộng canh tác trong hộ mà anh đứng tên chủ hộ, anh chấp nhận và nhất trí tách trả chị T các xú đồng: Đồng Nhé

diện tích $253m^2$ và $125m^2$ nằm trong đồng Sùng Nhé, tổng cộng là $378m^2$ đúng bằng 1/2 định suất chi T được chia.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan - Ông Ngô Tuấn T trình bày: Năm 1992, HTX L tiến hành giao đất nông nghiệp cho các cá nhân hộ gia đình trong thôn canh tác. Tại thời điểm này hộ gia đình ông có các thành viên: Bố ông là Ngô Tuấn Ché, mẹ ông Dương Thị G, ông và vợ ông là Đào Thị D, em gái ông Ngô Thị H, con trai Ngô Tuấn A, con trai Ngô Tuấn T, con gái Ngô Thị N, anh trai Ngô Tuấn K (liệt sỹ). Cụ C chết năm 2009 không để lại di chúc; Bố, mẹ ông sinh được các con: Ngô Tuấn K (Liệt sỹ hy sinh năm 1973 chưa có vợ con), Ngô Thị Đ, Ngô Tuấn C, Ngô Thị C, Ngô Tuấn C, Ngô Thị H và ông (T). Bà C chết năm 2014, bà C có chồng là Nguyễn Văn T và các con là: Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T. Bà H chết năm 2006, bà H có chồng là Dương Văn L (chết năm 2001), bà H và ông L có các con là Dương Thị L và Dương Văn H.

Tại thời điểm giao đất, những thành viên được giao 1 định suất là ông, bà Dương, bà H; Những người được chia 1/2 định suất là cụ G và cụ Ché, anh T, anh A và chị N. Ngoài ra HTX còn giao 1/4 định suất canh tác để thờ cúng liệt sỹ K.

Theo tiêu chuẩn, mỗi định suất được chia $756m^2$. Hộ gia đình ông được chia 17 xú đồng, nay đã lâu và đã dần dần đổi thửa nên không nhớ cụ thể từng xú đồng được chia ban đầu.

Năm 2006 anh A và chị T kết hôn. Năm 2009, thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, anh A, chị T đã báo HTX cho tách riêng thành một hộ, đồng thời chị T cũng chuyển 1/2 định suất ruộng của chị T về hộ anh A. Cùng với việc dồn điền đổi thửa, tách hộ và canh tác trên diện tích của từng thành viên thì ông còn cho anh A, chị T canh tác thêm một phần diện tích đất của ông. Sau khi tách thửa hộ ông canh tác các thửa: Đồng Quan, Đồng Nội Nhé, Đồng Sùng Nhé, Ấp Châu, Đồng Giữa, thửa 2 lúa 1 màu (Ái). Hộ anh An canh tác các thửa: Đồng Quan; Đồng Nội Nhé; Đồng Sùng Nhé; Đồng Giữa B và Đồng 2 lúa 1 màu (Ái).

Việc tách hộ và dồn điền đổi thửa, giao trả ruộng cho các thành viên canh tác từ đó đến nay không ai có tranh chấp gì.

Nay chị T yêu cầu anh A phải trả chị 1/2 định suất ruộng mà chị chuyển về hộ anh A, ông nhất trí. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về định suất và diện tích ruộng còn lại của anh A và ông, hiện ông đang canh tác quản lý hộ anh A.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu anh A trích trả chị 1/2 định suất của chị chuyển về từ năm 2009 nằm trong hộ anh A đang quản lý là 1 sào 4 thước tương đương $456m^2$. Những yêu cầu khác như trích trả tiền góp xây công trình phụ, mua sắm vật dụng trong gia đình chị đã ghi trong đơn khởi kiện, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị xin rút, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan vẫn giữ nguyên nội dung đã trình bày và nhất trí trích trả chị T 1/2 định suất ruộng trong hộ anh A đang quản lý là $378m^2$ gồm thửa xú đồng

Nội Nhé và một phần thửa ruộng xứ đồng Sùng Nhé. Khi phân chia có thể diện tích được chia không chính xác (tăng một vài mét vuông), ông T và anh A nhất trí không yêu cầu gì.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà đã phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh An phải trả chị T 1/2 định suất ruộng là 378m². Những nội dung khác do đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Năm 1992, hộ gia đình ông Ngô Tuấn T được HTX L giao đất nông nghiệp để canh tác. Tại thời điểm giao đất hộ gia đình ông T có các thành viên: Cụ Ngô Tuấn C (chết năm 2009), cụ Dương Thị G, ông Ngô Tuấn T, bà Đào Thị D, bà Ngô Thị H; anh Ngô Tuấn A, anh Ngô Tuấn T, chị Ngô Thị N và ông Ngô Tuấn K (liệt sỹ). Tại thời điểm giao đất thì những người sau được chia 1 định suất gồm: Ông Ngô Tuấn T, bà Đào Thị D, bà Ngô Thị H; Những người được chia 1/2 định suất gồm: Cụ G, cụ C, anh T, anh A và chị N. HTX L cấp cho ông 1/4 định suất canh tác để thờ cúng liệt sỹ Ngô Tuấn K.

Theo tiêu chuẩn, mỗi định suất được chia 756m². Hộ gia đình ông T được chia 17 xứ đồng, sau khi dồn điền đổi thửa vào năm 2009, các thành viên trong hộ không ai còn nhớ các thửa và diện tích từng thửa đã chia trước đây. Năm 2006, anh A và chị T kết hôn. Năm 2009, thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, anh A, chị T đã tách thành một hộ riêng, đồng thời chị T chuyển 1/2 định suất của chị về hộ gia đình anh A. Ngoài diện tích anh A, chị T canh tác theo định suất thì ông T còn cho anh A canh tác thêm một phần diện tích đất của ông. Nội dung này đã được ông T, chị T và anh A thừa nhận. Kể từ khi tách hộ và dồn điền đổi thửa đến nay không ai có tranh chấp gì.

Theo sổ sách theo dõi, lưu trữ tại HTX L thì sau khi dồn điền đổi thửa và tách hộ thì hộ ông T canh tác các xứ đồng sau: Đồng Quan 799,6m², Đồng Nội Nhé 440,5m², Đồng Sùng Nhé 1.1095m², Ven Nhé 601m², Ấp châu 344,5m², Đồng Giữa 712m², Ai bên sông 140m².

Hộ anh A canh tác các xứ đồng sau: Đồng Quan 41,5m², Đồng Nội Nhé 253m², Đồng Sùng Nhé 553m²; Đồng Giữa B 250m² và Đồng 2 lúa 1 màu (Ai bên sông) 28m². Tổng diện tích hộ anh A canh tác là 1.125,5m².

Đến tháng 02/2018, anh A và chị ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2018 của TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đã giải quyết về quan hệ hôn nhân, về con chung, nhưng chưa giải quyết về quan hệ tài sản chung của vợ chồng. Nay chị khởi kiện yêu cầu buộc anh A phải trả 1/2 định suất ruộng của chị được chia hiện nay anh A là chủ

hộ đang quản lý tại thôn L, xã D, Yên Phong, Bắc Ninh. Tại phiên tòa chị trình bày rõ 1/2 định suất ruộng của chị gồm 1 sào đất canh tác là 360m² và 4 thước màu 96m². Tổng cộng 456m². Ngoài lời khai, chị T không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh.

Xét yêu cầu của chị T thì thấy: Trên cơ sở kết quả xác minh và đối chiếu sổ sách theo dõi và lưu trữ tại HTX L thì kể từ năm 1992 chia ruộng ban đầu cho đến năm 2009 thì mỗi định suất ruộng được chia là 756m², 1/2 định suất là 378m² vẫn giữ nguyên không có gì thay đổi. Chị T cũng đã thừa nhận nội dung này. Tuy nhiên, diện tích hộ gia đình anh A, chị T canh tác có nhiều hơn định suất được chia. Theo ông T là do ông cho vợ chồng canh tác thêm diện tích của ông là có căn cứ. Lời trình bày của chị T là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Xác định tài sản của chị T là 1/2 định suất ruộng có diện tích 378m² hiện nay anh A đang quản lý và đứng tên chủ hộ tại thôn L, xã D, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Giá trị theo định giá là 165.942.000đ. Cần chấp nhận một phần yêu cầu của chị T.

Do hiện nay hộ gia đình anh A có nhiều thửa ruộng nên khi phân chia, cần chia theo hướng không phân chia đều mỗi định suất trên tất cả các thửa ruộng đang canh tác mà giao cho chị T một hoặc hai thửa bằng với diện tích theo định suất mà chị được phân chia trước đây. Việc phân chia như vậy vẫn đảm bảo quyền và lợi ích của chị T cũng như thành viên còn lại trong hộ. Đồng thời cũng phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước hiện nay là: Dồn điền đổi thửa, sản xuất hàng hóa và canh tác trên cánh đồng mẫu lớn.

Về yêu cầu trích trả công sức đóng góp trong việc xây nhà vệ sinh và những tài sản, vật dụng mua sắm khi chị T chung sống với anh A, yêu cầu này đã được chị T rút trước khi mở phiên tòa và chị xác định lại tại phiên tòa nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được phân chia.

Về chi phí tố tụng: Buộc chị T phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 29, 33, 34, 35 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28, 147, 157 BLTTDS, Điều 209, 210, 219 BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T. Buộc anh Ngô Tuấn A phải trích trả chị T 1/2 định suất ruộng tại thôn L, xã D, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, gồm các xứ đồng sau:

1. Đồng Nhé diện tích 253m², có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông P, ông T; Phía Tây giáp đất thôn C; Phía Nam giáp đất ông N; Phía Bắc giáp đất ông T.

2. Một phần thửa ruộng Sùng Nhé diện tích $125,7m^2$, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất nhà TT dài 15,5m; Phía Tây giáp phần đất còn lại của anh A dài 15,5m; Phía N giáp đất nhà bà Đ rộng 8,11m; Phía Bắc giáp đất nhà ông N rộng 8,11m.

Tổng diện tích hai thửa là $378,7m^2$

Chị T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách hộ canh tác và kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa ruộng trên và phải nộp các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu 8.313.000đ án phí DSST. Xác nhận chị T đã nộp 4.799.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0003772 ngày 15/5/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Chị T được khấu trừ vào tiền án phí phải nộp. Buộc chị T phải nộp tiếp 3.514.000đ.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị T phải chịu 10.000.000đ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Xác nhận chị T đã nộp đủ và đã chi hết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện
- Thi hành án
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa